

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2026/HS-PT
Ngày 15 - 01 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Dũng.

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Kiến

Ông Võ Ngọc Giàu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 304/2025/TLPT-HS ngày 28 tháng 10 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Hoàng G. Do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hoàng G đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 12/2025/HS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đồng Tháp.

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Hoàng G, sinh ngày 01/01/1980; Nơi sinh Đồng Tháp; Nơi thường trú: Khóm D, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (nay là ấp M, xã T, tỉnh Đồng Tháp); Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ văn hóa: 03/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1942 và bà Nguyễn Thị Mỹ N, sinh năm 1947 (đã chết); Vợ Nguyễn Thị Bích T1, sinh năm 1980; Con Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 2009, Nguyễn Thị N1, sinh năm 2018 và Nguyễn Thị Bé C, sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 01/4/2001 bị Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 36 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong ngày 01/12/2003; Tạm giữ: Ngày 09/7/2022; Tạm giam: Ngày 17/7/2022; Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh Đ. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Trong vụ án còn có bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo; Viện kiểm sát không kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 3/2022 vợ chồng Bùi Văn Đ, Nguyễn Việt T2 nợ của Nguyễn Hoàng G số tiền 2.000.000.000 đồng; nợ vợ chồng Nguyễn Văn P và Nguyễn Thị Kiều D số tiền 1.740.000.000 đồng; nợ vợ chồng Nguyễn Thanh H, Nguyễn Thị Thúy C1 số tiền 900.000.000 đồng và một số người khác. Do không có tiền trả nợ nên ngày 18/3/2022 Đ, T2 và con đến thuê nhà trọ tại Khu phố C, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương để làm thuê.

1. Hành vi phạm tội Công nhiên chiếm đoạt tài sản.

Khoảng đầu tháng 4/2022, sau khi vợ chồng Đ đi làm thuê ở Bình Dương, nhà cửa, đồ đạc không giao lại cho ai quản lý, Nguyễn Thanh H và Nguyễn Thị Kiều D đã tự ý vào nhà mở cửa (không có khóa) thuê xe ba gác chở các đồ đạc trong nhà, đào bứng các cây kiểng. Cụ thể như sau:

- H chở đi gửi: 02 cái ly quăng gỗ, 01 cái máy nỏ, 05 cây mai vàng, 04 cây mai chiếu thủy, 02 cây bông trang, 03 cây cau kiểng.

- + Gửi nhà chị Nguyễn Thị Mỹ T3, sinh năm 1970, ngụ Khóm D, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp 02 cái ly quăng bằng gỗ.

- + Gửi nhà ông Trần Văn P1, sinh năm 1978, ngụ Khóm D, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp 04 cây mai chiếu thủy.

- + Gửi nhà ông Trần Thanh H1, sinh năm 1972, ngụ Khóm D, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp 02 cây mai vàng và 02 cây bông trang.

- Kiều Diễm chở về nhà tại Khóm D, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp: 01 cái máy giặt, 01 cái tủ lạnh, 01 nồi cơm điện, 01 lò nướng điện, 01 máy xay sinh tố, 02 máy xịt phân bón, thuốc trừ sâu.

Ngoài ra, Nguyễn Hoàng G, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Thị Thúy C1, Nguyễn Văn P, Nguyễn Thị Kiều D biết Đ còn khoảng 47 công đất trồng lúa sắp đến ngày thu hoạch tại ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, đã bàn bạc cắt lúa bán lấy tiền chia nhau. Ngày 16/4/2022, H, P, D, T2 Chì vào kêu máy cắt và bán lúa của Đ, lúc này G kêu 03 người thanh niên là lính của G không nhớ tên vào hỗ trợ để cắt lúa. Thu hoạch xong, H trực tiếp bán 31.090kg lúa cho người cò lúa tên T4 (không biết địa chỉ), được 180.321.000 đồng, trừ số tiền cọc mà Đ đã nhận của thương lái trước đó và tiền thuê máy cắt, còn lại số tiền 160.321.000 đồng đem về chia nhau. Vợ chồng H, T2 Chì được 35.000.000 đồng và cho thêm G số tiền 10.000.000 đồng là tiền để thuê người tìm bắt vợ chồng Đ; vợ chồng P, D được 35.000.000 đồng; G được 35.000.000 đồng, cho chị Nguyễn Thị Mỹ T3 15.000.000 đồng (T3 không biết việc cắt lúa bán, nhưng khi đưa tiền thì nhận do gia đình Đ có nợ T3 300.000.000 đồng nên T3 nhận để trừ nợ), số tiền còn lại sử dụng vào việc ăn uống chung.

2. Hành vi Bắt, giữ người trái pháp luật.

Sau khi cắt, bán lúa của Đ xong, Nguyễn Hoàng G, H, Thúy C1, P, D bàn bạc với nhau tìm bắt vợ chồng Đ đem về T ép bán đất trả nợ do biết Đ còn đứng tên 02 thửa đất diện tích 47.000m² tại huyện T, tỉnh Đồng Tháp. G đã đăng thông tin lên mạng xã hội Facebook nội dung thuê người tìm vợ chồng Đ. Sau đó có Facebook với nick tên Nguyễn Đăng N2 kết bạn và thỏa thuận với G nếu tìm được vợ chồng Đ sẽ trả công 100.000.000 đồng.

Khoảng 16 giờ, ngày 07/7/2022 G được thông tin từ Facebook tên Nguyễn Đăng N2 đã phát hiện vợ chồng Đ đang ở nhà trọ số 3, thuộc Tổ B, khu phố C, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương; G báo cho P, H, T2 Chi biết, nên H, Thúy C1, P, D đi xe ô tô 07 chỗ, nhãn hiệu KIA loại RONDO RP, màu trắng, biển số 66A-173.88 của vợ chồng H từ T đến Bình Dương. Khi đến khu du lịch Đại Nam thuộc thị xã B thì có một người thanh niên đi xe mô tô đón và dẫn đường đến một khu nhà trọ và chỉ cho biết vợ chồng Đ đang ở trong khu trọ. Người này được G trả tiền công 70.000.000 đồng, còn lại 30.000.000 đồng G xin nợ lại và hẹn khi đòi được nợ sẽ trả sau.

Lúc này khoảng 21 giờ cùng ngày H, Thúy C1, P, D vào trong khu nhà trọ tìm vợ chồng Đ. Khi đến phòng trọ số C, thuộc Tổ B, khu phố C, phường T, thị xã B nhìn thấy Bùi Văn T5 Hiền con của Đ đang nằm võng trong phòng, H hỏi: “Cha mày đâu”, H2 trả lời: “Cha con đi làm”, D tiếp tục hỏi: “Cha mày làm ở đâu”, khi D vừa hỏi xong thì H2 bỏ chạy ra ngoài, thấy vậy P nắm cổ tay của H2 giữ lại cùng H, D, Thúy C1, H2 vùng vẫy làm rách áo đang mặc và đứt sợi dây chuyền bạc đang đeo trên cổ; nghe lớn tiếng Nguyễn Việt T2 đang ở gần đó chạy về thì cả nhóm bỏ H2 ra và quay sang giữ T2. Các đối tượng tra hỏi T2 là Đ ở đâu, T2 nói Đ đã đi làm, không có ở nhà, có gì để sáng gấp, nhưng các đối tượng không chịu mà la lối lớn tiếng yêu cầu T2 phải gọi điện thoại hoặc dẫn đến nơi Đ làm, chủ nhà trọ thấy các đối tượng la lối lớn tiếng làm mất an ninh trật tự nên gọi cho Công an phường T đến giải quyết.

Lúc này P điện thoại gọi cho Nguyễn Hoàng G biết là đã tìm được vợ chồng Đ tại Bình Dương, G cho biết là sẽ lên ngay. Lúc này Công an phường T cùng một số bảo vệ dân phố đến yêu cầu giữ trật tự vì đã khuya. H, Thúy C1, P, D tiếp tục yêu cầu T2 điện thoại cho Đ về, Đ nói đang vô ca làm nên không về được, P nói nếu không về thì cho địa chỉ nơi Đ làm để đến và yêu cầu H2 dẫn đường, do H2 sợ không dám đi một mình nên nhờ 02 người bảo vệ dân phố đi cùng, một người đi xe mô tô riêng, một người lên xe ô tô đi cùng H2. Trước khi đến Công ty B tìm Đ thì P gọi điện thoại cho G biết Đ đang làm ở Công ty B và nói là nhóm của P đang đến đó.

Đối với Nguyễn Hoàng G khi nhận được thông tin đã tìm được vợ chồng Đ, G đã điện thoại cho Lý H3 bảo thuê xe ô tô 07 chỗ rồi cùng Lý H3 lái xe, Lưu Hồng S và Lương Văn T6 đến Bình Dương. Lúc trên xe di chuyển đến Bình Dương thì G bảo T6 điện thoại cho Hà Văn Đ1 và Hà Văn V đang ở Bình Dương biết và thuê xe taxi đến nhà trọ của Đ trước. Khi Đ1 và V đến

khu nhà trọ thì đã thấy nhóm của H, P, D, T2 Chì đang lên xe ô tô đến chỗ Đ làm nên Đ1, V ở lại trước khu nhà trọ chờ G đến. Khi đến thì G bảo V lên xe ô tô đến Công ty B tìm Đ, còn S thì xuống xe ở lại cùng Đ1 canh giữ vợ và con Đ tại nhà trọ.

Nhóm người của H chở H2 đến Công ty B thuộc phường H, thị xã B, cách nhà trọ của vợ chồng Đ khoảng 05km thì thấy có một chiếc ô tô 07 chỗ ngồi cùng 04 người thanh niên là bạn G đã chờ sẵn, sau đó xe ô tô 07 chỗ, nhãn hiệu Innova, biển số 66A-042.91 do H3 thuê của ông Ngô Văn H4 ở huyện T, tỉnh Đồng Tháp chở G, H3, V và T6 cũng đến. Các đối tượng yêu cầu H2 gọi điện thoại cho Đ kêu ra cổng gặp, Đ đi ra nhưng chỉ đứng phía trong hàng rào không dám ra ngoài, cả nhóm tập trung la lối, chửi bới, đe dọa đòi nợ Đ. Lúc này P hỏi G cho H2 về được chưa, G đồng ý nên P nhờ 02 bảo vệ dân phố chở H2 về nhà trọ bằng xe mô tô. Khoảng 02 giờ, ngày 08/7/2022 khi H2 lên xe về thì G bảo H3, V và T6 đi xe ô tô trở lại khu nhà trọ để cùng với S, Đ1 canh giữ vợ con Đ. Các đối tượng S, Đ1, H3, V, T6 thay phiên nhau canh giữ T2 và H2 tại khu nhà trọ vì sợ bỏ trốn. Sáng ra khi chủ nhà trọ mở cổng các đối tượng đi vào bên trong, ngồi vào bàn đối diện với phòng trọ số 03 để canh giữ T2 và H2, đe dọa, uy hiếp buộc phải ở trong phòng, không cho đi ra ngoài.

Còn tại Công ty B, Đ đứng phía trong hàng rào của Công ty bảo các đối tượng tìm nơi nghỉ sáng gặp. G, H, Thúy C1, P, D không đồng ý chửi thề lớn tiếng đe dọa, buộc Đ phải ngồi ngay hàng rào không cho đi đâu, khi Đ có việc đi vào bên trong thì G lập tức điện thoại chửi mắng, đe dọa buộc phải ra ngoài ngồi cho cả nhóm giám sát vì sợ bỏ trốn. Đến 08 giờ, ngày 08/7/2022 Đ tan ca, do sợ bị đánh nên Đ nhờ bảo vệ của Công ty lấy xe mô tô chở ra ngoài. Các đối tượng dẫn Đ đến một quán nước gần Công ty B rồi chửi mắng, đe dọa yêu cầu Đ trả nợ, Đ nói hiện không có tiền trả thì bị một thanh niên là bạn của G dùng tay đánh vào mặt, G mượn giấy bút yêu cầu Đ viết biên nhận nợ cho G số tiền 400.000.000 đồng (*ông Đ nợ G 02 tỷ đồng nhưng chỉ mới viết biên nhận cho G số tiền 1,6 tỷ, còn lại 400 triệu chưa viết biên nhận*), H yêu cầu Đ viết biên nhận cho mình với số tiền 650.000.000 đồng (*vợ chồng H cho ông Đ vay số tiền 650 triệu đồng chưa viết biên nhận*). Sau khi viết biên nhận xong, G buộc Đ phải trả trước tiền mặt 1.000.000.000 đồng, Đ xin cho 15 ngày sau để sắp xếp nhưng G không đồng ý và yêu cầu phải trả tiền mặt 1.000.000.000 đồng, nếu không thì phải về quê luôn, ở đây không ai canh giữ. Các đối tượng yêu cầu Đ bán 02 thửa đất trả nợ, Đ chỉ đồng ý bán một thửa đất, thửa còn lại của gia đình vợ cho nên không có quyền bán. Thấy vậy các đối tượng bắt Đ đưa về nhà trọ để giải quyết, do sợ Đ bỏ trốn nên G bảo người thanh niên đánh Đ lúc này lên ngồi sau xe mô tô của Đ để giữ, G, H, Thúy C1, P, D đi xe ô tô theo. Về đến nhà trọ G, H, Thúy C1, P, D yêu cầu vợ chồng Đ bán 02 thửa đất để trừ nợ nhưng T2 không đồng ý mà chỉ đồng ý bán 01 thửa do thửa còn lại là của cha mẹ cho. Các đối tượng dùng số đông đe dọa, uy hiếp, ép buộc Đ, T2, H2 lên xe ô tô chở về T. Vợ chồng Đ xin ở lại 03 ngày lãnh lương sẽ về nhưng các đối tượng không đồng ý, yêu cầu phải

lên xe về cùng với các đối tượng, do bị đe dọa, uy hiếp, sợ bị đánh nên Đ, T2, H2 buộc phải lên xe ô tô của nhóm H về T trái ý muốn. Sau khi đe dọa, uy hiếp Đ, T2, H2 đưa lên xe ô tô; G, H3, S, V, Đ1, T6 lên xe ô tô đi về trước. Lúc xuất phát thì xe ô tô chở G đi trước, được một đoạn thì ghé đỗ xăng nên xe ô tô do P điều khiển chở Đ, T2, H2 vượt qua, trên đường về thì P liên lạc để hỏi ý G về việc đưa vợ chồng và con Đ về xã T, huyện T được không thì G đồng ý. Khi xe ô tô của các đối tượng đến địa phận xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt giữ các đối tượng và giải cứu Đ, T2 và H2. Tại Cơ quan điều tra G thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

** Trích xuất và giám định dữ liệu từ camera:*

Thu giữ dữ liệu camera tại nhà trọ do bà Trần Thị N3, sinh năm 1963, cư trú: Tổ B, khu phố C, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương làm chủ, thu giữ dữ liệu hình ảnh trên 02 camera đặt tại phòng trọ số 14 và phòng trọ số 04 ghi lại toàn bộ hoạt động trong khu nhà trọ từ ngày 07/7/2022 đến ngày 09/7/2022, được trích xuất vào 02 thẻ nhớ. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã trưng cầu Phòng K Công an tỉnh Đ giám định và kết luận:

- Các tệp dữ liệu video có liên quan đến vụ việc trong mẫu gửi giám định không có dấu hiệu bị cắt, ghép, chỉnh sửa về nội dung hình ảnh.

- Trích xuất hình ảnh có liên quan tới vụ việc từ các tệp dữ liệu video trong mẫu gửi giám định ra bản ảnh và đưa vào hồ sơ vụ án.

** Kết quả giám định tâm thần của Nguyễn Hoàng G:*

Quá trình điều tra, xác định Nguyễn Hoàng G trước đây có tiền sử bệnh tâm thần, từng điều trị tại Viện giám định pháp y tâm thần Trung ương phân viện phía Nam, gia đình G có đơn yêu cầu giám định tâm thần cho G. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trưng cầu giám định pháp y về tâm thần đối với G, Trung tâm pháp y tâm thần Khu vực T giám định và kết luận như sau:

- *Tại thời điểm phạm tội:* Đang sự có năng lực trách nhiệm hình sự.

- *Hiện tại:* Đang sự không có năng lực trách nhiệm hình sự.

Tại Bản kết luận giám định sức khỏe tâm thần sau điều trị bắt buộc chữa bệnh số: 13/KLGĐSKTT-SBBCB, ngày 14/01/2025 của Viện pháp y Tâm thần trung ương B1 kết luận: Hiện tại bệnh tâm thần của Nguyễn Hoàng G ở giai đoạn khỏi bệnh, đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Không cần áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh.

** Thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu và xử lý vật chứng:*

- 01 (một) tờ giấy biên nhận của ông Bùi Văn Đ ghi ngày 08/7/2022 với nội dung: “Ngày 08/3/2022 tôi tên Bùi Văn Đ ấp 2, xã T, T, Đồng Tháp có mượn của anh G số tiền 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) Mục đích đáo nợ ngân hàng hẹn 5 ngày trả nhưng tôi đã bỏ trốn nay gặp lại anh G tại Bình Dương viết biên nhận này để tôi sắp xếp lo tiền trả cho anh G. Ngày 08/7/2022 tôi tỉnh táo viết biên nhận này và ký tên Bùi Văn Đ”.

- Tiền Việt Nam đồng: 7.640.000 đồng.
- 01 (một) điện thoại di động hiệu N4 màu đen, đã qua sử dụng.
- 01 (một) hợp đồng cho cá nhân vay tiền giữa ông Bùi Văn Đ và Nguyễn Hoàng G với số tiền vay là 1.600.000.000 đồng vào ngày 08/4/2022.
- 01 (một) con dao tự chế dài 60cm, cán gỗ dài 20cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 40cm, có đầu nhọn, phần lưỡi có một bề sắc bén.
- 01 (một) con dao tự chế dài 60cm, cán gỗ, lưỡi dao màu trắng, có 01 bề sắc, trên sống dao có hình dạng răng cưa.
- 02 (hai) ống tuýp sắt dài 01m, đầu ống tuýp có hàn gắn với lưỡi dao, đầu sắc nhọn.

* *Về dân sự*: Đ, T2, H2 không yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần cũng như tài sản bị chiếm đoạt.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 12/2025/HS-ST ngày 27/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đồng Tháp đã quyết định:

1. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 172; điểm q, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hoàng G phạm tội “*Công nhiên chiếm đoạt tài sản*”.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hoàng G 02 (Hai) năm 06 (S1) tháng tù.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 157; điểm q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hoàng G phạm tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hoàng G 03 (Ba) năm tù.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt tù của hai tội buộc bị cáo Nguyễn Hoàng G phải chấp hành là 05 (Năm) năm 06 (S1) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/02/2025 (trừ thời gian tạm giữ, tạm giam ngày 09/7/2022 đến ngày 23/12/2022).

Căn cứ vào khoản 5 Điều 172 Bộ luật Hình sự, xử phạt bổ sung bằng tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) đối với bị cáo Nguyễn Hoàng G, buộc bị cáo Nguyễn Hoàng G phải nộp, để nộp vào ngân sách Nhà nước.

2. Về vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tuyên xử:

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu N4 màu đen, đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hoàng G số tiền 7.640.000 đồng.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) con dao tự chế dài 60cm, cán gỗ dài 20cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 40cm, có đầu nhọn, phần lưỡi có một bề sắc bén.

+ 01 (một) con dao tự chế dài 60cm, cán gỗ, lưỡi dao màu trắng, có 01 bề sắc, trên sống dao có hình dạng răng cưa.

+ 02 (hai) ống tuýp sắt dài 01m, đầu ống tuýp có hàn gắn với lưỡi dao, đầu sắc nhọn.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên án về phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 07/10/2025, bị cáo Nguyễn Hoàng G kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm số: 12/2025/HS-ST ngày 27/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đồng Tháp, với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt tù và tính trừ vào thời gian điều trị bệnh tâm thần.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Hoàng G vẫn giữ yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù và tính trừ vào thời gian điều trị bệnh tâm thần.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm: Hành vi của bị cáo G bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “*Công nhiên chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 2 Điều 172 Bộ luật Hình sự và tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” theo điểm đ khoản 2 Điều 157 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật. Mặc dù, tại Tòa án cấp phúc thẩm bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt và nhận 10.000.000 đồng để bù đắp tổn thất tinh thần; gia đình bị cáo nộp phạt bổ sung số tiền 10.000.000 đồng, đây là nghĩa vụ nộp phạt của bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo G, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đồng Tháp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu thu thập trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đều đúng với quy định pháp luật, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại gì đối với các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nên các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hoàng G là trong hạn luật định, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị cáo G xin giảm nhẹ hình phạt tù và tính trừ vào thời gian điều trị bệnh tâm thần.

[2.1] Đối với kháng cáo yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt tù.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Qua xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo G đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo G phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để xác định:

Đây là vụ án chiếm đoạt tài sản và bắt, giữ người trái pháp luật do bị cáo G và các bị cáo H, P, Thúy C1, H3, S, T6, Đ1, D, V thực hiện. Các bị cáo khác bị Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm xét xử về tội “*Công nhiên chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 2 Điều 172 Bộ luật Hình sự và tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” theo điểm đ khoản 2 Điều 157 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo G có dấu hiệu bệnh lý tâm thần, nên cơ quan tiến hành tố tụng đã tạm đình chỉ vụ án để đưa bị cáo G điều trị bắt buộc chữa bệnh theo quy định.

Tại Bản kết luận giám định sức khỏe tâm thần sau điều trị bắt buộc chữa bệnh số: 13/KLGĐSKTT-SBBCB, ngày 14/01/2025 của Viện pháp y Tâm thần trung ương B1 kết luận: Hiện tại bệnh tâm thần của Nguyễn Hoàng G ở giai đoạn khỏi bệnh, đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Không cần áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh.

Hành vi của bị cáo G là nguy hiểm cho xã hội, hành vi bắt, giữ người của bị cáo đối với bị hại là trái pháp luật, trực tiếp xâm phạm quyền tự do của người khác và hành vi công nhiên chiếm đoạt tài sản, xâm phạm đến sở hữu người khác. Hành vi của bị cáo đã gây xôn xao dư luận, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo có đầy đủ nhận thức, chỉ vì bị hại không trả nợ, mà bị cáo đã có hành vi lấy tài sản, bắt, giữ, đe dọa, uy hiếp tinh thần, gây sức ép cho bị hại trả nợ, đáng lý ra bị cáo phải yêu cầu cơ quan có thẩm quyền để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, đằng này bị cáo lại có hành vi vi phạm pháp luật, nên phải chịu trách nhiệm với hành vi của mình gây ra.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo G về tội “*Công nhiên chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 2 Điều 172 và tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” theo điểm đ khoản 2 Điều 157 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật. Mức hình phạt mà án sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo là hoàn toàn phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc, xem xét về nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Tuy nhiên, tại Tòa án cấp phúc thẩm bị hại Đ, T2 cung cấp đơn xin giảm nhẹ hình phạt, do bị hại còn nợ tiền chưa trả và nhận thức rõ trách nhiệm của mình dẫn đến bị cáo bức xúc nên vi phạm pháp luật, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt để bị cáo

khắc phục sai lầm; gia đình bị cáo bồi thường tổn thất tinh thần cho bị hại số tiền 10.000.000 đồng, nộp phạt bổ sung số tiền 10.000.000 đồng, trong số tiền phạt bổ sung 30.000.000 đồng, đây là những tình tiết mới phù hợp với khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt tù.

[2.2] Đối với kháng cáo yêu cầu tính trừ thời gian bắt buộc chữa bệnh tâm thần.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại khoản 3 Điều 49 của Bộ luật Hình sự quy định:

“3. Đối với người đang chấp hành hình phạt tù mà bị bệnh tới mức mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình, thì căn cứ vào kết luận giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, Tòa án có thể quyết định đưa họ vào một cơ sở điều trị chuyên khoa để bắt buộc chữa bệnh. Sau khi khỏi bệnh, nếu không có lý do gì khác để miễn chấp hành hình phạt, thì người đó phải tiếp tục chấp hành hình phạt.”

Thời gian bắt buộc chữa bệnh được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt tù.”

Theo quy định nêu trên thì thời gian bắt buộc chữa bệnh được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt tù chỉ được áp dụng đối với người đang chấp hành hình phạt tù. Như vậy, tại thời điểm xét xử bị cáo G không phải là người đang chấp hành hình phạt tù. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo yêu cầu khấu trừ thời gian bắt buộc chữa bệnh.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên bản án sơ thẩm có một phần căn cứ như vừa phân tích trên.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo G được chấp nhận một phần, nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các phần còn lại của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Hoàng G, không chấp nhận kháng cáo tính trừ thời gian bắt buộc chữa bệnh tâm thần của bị cáo Nguyễn Hoàng G.

Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số: 12/2025/HS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đồng Tháp.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng G phạm tội “*Công nhiên chiếm đoạt tài sản*”.

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 172; điểm q, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hoàng G 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù.

2. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng G phạm tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”.

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 157; điểm q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hoàng G 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù.

3. Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt tù của hai tội buộc bị cáo Nguyễn Hoàng G phải chấp hành là 05 (Năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/02/2025 (trừ thời gian tạm giữ, tạm giam ngày 09/7/2022 đến ngày 23/12/2022).

4. Căn cứ khoản 5 Điều 172 Bộ luật Hình sự, xử phạt bổ sung buộc bị cáo Nguyễn Hoàng G phải nộp số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) vào ngân sách Nhà nước, được khấu trừ số tiền 10.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0001168, ngày 15/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Bị cáo Nguyễn Hoàng G còn phải nộp tiếp số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

5. Về vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu N4 màu đen, đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hoàng G số tiền 7.640.000 đồng.

- Tịch thu tiêu hủy:

- + 01 (một) con dao tự chế dài 60cm, cán gỗ dài 20cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 40cm, có đầu nhọn, phần lưỡi có một bề sắc bén.

- + 01 (một) con dao tự chế dài 60cm, cán gỗ, lưỡi dao màu trắng, có 01 bề sắc, trên sống dao có hình dạng răng cưa.

- + 02 (hai) ống tuýp sắt dài 01m, đầu ống tuýp có hàn gắn với lưỡi dao, đầu sắc nhọn.

6. Về án phí: Áp dụng Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng G phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Hoàng G không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần còn lại của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC (Vụ GDKT 1);
- VKSND Tỉnh;
- Ban nội chính Tỉnh ủy;
- TAND khu vực 10 - Đồng Tháp (2);
- VKSND khu vực 10 - Đồng Tháp;
- Phòng THADS khu vực 10 - Đồng Tháp;
- Trại tạm giam số 1 - CAT;
- CQTHAHS Công an Tỉnh;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CAT;
- CQCSĐT Công an Tỉnh;
- Phòng GDKT, TT & THA Tòa án Tỉnh;
- Bị cáo;
- Lưu VT, HSVA (5) (Dũng).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Chí Dũng